

UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: /KH-SGDĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Sửa đổi, bổ sung Kế hoạch số 1178/KH-SGDĐT ngày 26/3/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 12/02/2026 của UBND thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo và Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 15/12/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo

Thực hiện Kế hoạch số 384/KH-UBND ngày 28/7/2026 của UBND thành phố về sửa đổi, bổ sung Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 12/02/2026 của UBND thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo và Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 15/12/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo (sau đây viết tắt là Kế hoạch số 384/KH-UBND), Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung Kế hoạch số 1178/KH-SGDĐT ngày 26/3/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 12/02/2026 của UBND thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo và Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 15/12/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo (sau đây viết tắt là Kế hoạch 1178/KH-SGDĐT), như sau:

I. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỤC TIÊU CỤ THỂ

Sửa đổi, bổ sung, thay thế các mục tiêu cụ thể của “Phụ lục I. Một số mục tiêu cụ thể” tại Kế hoạch số 1178/KH-SGDĐT theo Phụ lục I đính kèm.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỤ THỂ

Sửa đổi, bổ sung một số nhiệm vụ, giải pháp của “Phụ lục II. Nhiệm vụ và giải pháp cụ thể” tại Kế hoạch số 1178/KH-SGDĐT theo Phụ lục II đính kèm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng thuộc Sở

- Chủ động phối hợp chặt chẽ với các đơn vị, địa phương liên quan tham mưu triển khai các nhiệm vụ theo phân công tại Phụ lục I, Phụ lục II.

- Thường xuyên rà soát, báo cáo lãnh đạo Sở phụ trách về tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được giao nhằm kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc (nếu có).

- Hằng năm tổ chức đánh giá và gửi báo cáo kết quả thực hiện về Văn phòng Sở trước ngày 01/12 để tổng hợp, báo cáo UBND thành phố (nhiệm vụ tại Kế hoạch 1178/KH-SGDĐT và Kế hoạch này).

2. Văn phòng Sở

Theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch; tổng hợp tham mưu báo cáo tình hình thực hiện theo quy định.

3. Các đơn vị, trường học trực thuộc Sở

- Tiếp tục tổ chức tuyên truyền, phổ biến Kế hoạch số 384/KH-UBND và các văn bản liên quan của các cấp về triển khai Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

- Chủ động tổ chức triển khai hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, trường học báo cáo bằng văn bản về Sở Giáo dục và Đào tạo (thông qua Văn phòng Sở).

Trên đây là Kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung Kế hoạch số 1178/KH-SGDĐT ngày 26/3/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo./.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND thành phố;
- Giám đốc, Phó Giám đốc;
- Các phòng thuộc Sở;
- Các trường đại học tư thục, các cơ sở GDNN;
- Các đơn vị, trường học trực thuộc Sở.
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Lê Thị Bích Thuận

Phụ lục I
MỘT SỐ MỤC TIÊU CỤ THỂ
(kèm theo Kế hoạch số: /KH-SGDDĐT ngày tháng năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	Mục tiêu	Tình hình hiện nay	Mục tiêu phân đầu						Tầm nhìn đến năm 2045	Phòng chủ trì tham mưu	Lãnh đạo phụ trách
			Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Đến năm 2035			
I.	GIÁO DỤC MẦM NON										
1.	Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi										
-	Tỷ lệ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi	80%	91%	93%	96%	98%	100%	100%	100%	Phòng Giáo dục Mầm non	Giám đốc Lê Thị Bích Thuận
-	Tỷ lệ đơn vị cấp xã được công nhận đạt chuẩn	0%	2,12%	19,2%	71,3%	77,6%	100%	100%	100%		
-	Tỷ lệ huy động trẻ em từ 3 đến 5 tuổi ra lớp	91,6%	92,7%	93,4%	94,2%	95,3%	96,5%	97,5%	100%		
2.	Phổ cập GDMN cho trẻ em từ 5									Phòng GDTX-GDNN	Phó Giám đốc Mai Tấn Linh

	đến 6 tuổi										
-	Duy trì và nâng cao chất lượng PCGDMN cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%		
-	Tỷ lệ đơn vị cấp xã được công nhận đạt chuẩn	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%		
-	Tỷ lệ huy động trẻ em từ 5 đến 6 tuổi	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%		
3.	Tỷ lệ phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em mầm non kiên cố, đạt chuẩn	81,5%	85%	86,5%	89%	93%	96%	100%	100%	Phòng Kế hoạch – Tài chính	Giám đốc Lê Thị Bích Thuận
4.	Tỷ lệ trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	38%	38,5%	47,5%	56,5%	65,5%	75%	85%	90%	Phòng Quản lý chất lượng	Phó Giám đốc Nguyễn Hoàng Nam
5.	Tỷ lệ GV đạt chuẩn trình độ (theo Luật Giáo dục)	79,3%	83%	85%	88%	90%	95%	100%	100%	Phòng Tổ chức cán bộ	Giám đốc Lê Thị Bích Thuận
II.	GIÁO DỤC PHỔ THÔNG										
1.	Hoàn thành GDPC bắt buộc hết THCS (không có	92%	93%	94%	95%	96%	98%	100%	100%	Phòng Giáo dục Trung học và Học sinh, sinh	Phó Giám đốc Phạm Tấn Ngọc Thụy

	người trong độ tuổi không hoàn thành)									viên	
2.	Tỷ lệ người trong độ tuổi hoàn thành cấp THPT và tương đương	85%	82,9%	84%	86%	88%	90%	100%	100%	Phòng Giáo dục Trung học và Học sinh, sinh viên	Phó Giám đốc Phạm Tấn Ngọc Thụy
3.	Tỷ lệ phòng học kiên cố trong các cơ sở giáo dục phổ thông	92%	93%	94%	96%	98%	100%	100%	100%	Phòng Kế hoạch – Tài chính	Giám đốc Lê Thị Bích Thuận
4.	Tỷ lệ trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia	TH: 41.98%; THCS: 45.99% THPT: 11.69%	TH: 45%; THCS: 45% THPT: 13%	TH: 55%; THCS: 55% THPT: 15%	TH: 65%; THCS: 65% THPT: 20%	TH: 70%; THCS: 70% THPT: 25%	TH: 82%; THCS: 82% THPT: 30%	TH: 85%; THCS: 85% THPT: 50%	TH: 90%; THCS: 90% THPT: 70%	Phòng Quản lý chất lượng	Phó Giám đốc Nguyễn Hoàng Nam
5.	Tỷ lệ GV đạt chuẩn trình độ (theo Luật Giáo dục)	TH: 96%; THCS: 96% THPT: 100%	TH: 96,5%; THCS: 97% THPT: 100%	TH: 97%; THCS: 98% THPT: 100%	TH: 98%; THCS: 99% THPT: 100%	TH: 99%; THCS: 100% THPT: 100%	100%	100%	100%	Phòng Tổ chức cán bộ	Giám đốc Lê Thị Bích Thuận
6.	Đạt kết quả bước đầu về nâng cao năng lực tiếng Anh bậc phổ thông (tỉ lệ HS lớp 12 đạt chuẩn B1	85%	86%	88%	95%	99%	100%	100%	100%	Phòng Giáo dục Trung học và Học sinh, sinh viên	Phó Giám đốc Phạm Tấn Ngọc Thụy

	trở lên)										
7.	Năng lực công nghệ, trí tuệ nhân tạo ở bậc phổ thông (tỷ lệ trường triển khai giáo dục STEM/STEM và AI)	65% trường triển khai STEM	70%	75%	85%	90%	95%	100%	100%	Phòng Giáo dục Tiểu học; Phòng Giáo dục Trung học và Học sinh, sinh viên	- Phó Giám đốc Trần Nguyễn Minh Thành; - Phó Giám đốc Phạm Tấn Ngọc Thụy.
8.	Chỉ số giáo dục đóng góp vào HDI của thành phố và chỉ số bất bình đẳng giáo dục	HDI GD 0,8%; BBĐ GD 7,5%	HDI GD 0,8%; BBĐ GD 7,3%	HDI GD 0,8%; BBĐ GD 7%	HDI GD 0,8%; BBĐ GD 7%	HDI GD 0,8%; BBĐ GD 6,5%	HDI GD 0,8%; BBĐ GD <10%			Phòng Giáo dục Trung học và Học sinh, sinh viên	Phó Giám đốc Phạm Tấn Ngọc Thụy
9.	Tỷ lệ thiết bị dạy học tối thiểu đáp ứng yêu cầu Chương trình GDPT (tính theo cấp học)	TH: 78%; THCS: 75% THPT: 82%	TH: 80%; THCS: 80% THPT: 84%	TH: 84%; THCS: 82% THPT: 87%	TH: 90%; THCS: 89% THPT: 92%	TH: 95%; THCS: 95% THPT: 96%	TH: 100%; THCS: 100% THPT: 100%	TH: 100%; THCS: 100% THPT: 100%	TH: 100%; THCS: 100% THPT: 100%	Phòng Kế hoạch – Tài chính	Giám đốc Lê Thị Bích Thuận
III.	CÔNG BẰNG GIÁO DỤC VÀ HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC										
1.	Tỷ lệ học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi được học trong trường nội trú, bán trú hoặc có hỗ trợ bán trú	50.23%	55%	60%	65%	70%	80%	90%	100%	Phòng Kế hoạch – Tài chính	Giám đốc Lê Thị Bích Thuận

2.	Tỷ lệ học sinh khuyết tật được học hòa nhập trong các cơ sở giáo dục chuyên biệt	22,71%	30%	50%	60%	70%	91%	100%	100%	Phòng Giáo dục Tiểu học	Phó Giám đốc Trần Nguyễn Minh Thành
3.	Miễn học phí 100% trẻ mầm non, học sinh phổ thông (công lập)	Đã triển khai thực hiện	Tiếp tục duy trì	Tiếp tục duy trì	Tiếp tục duy trì	Tiếp tục duy trì	Tiếp tục duy trì	Tiếp tục duy trì	Tiếp tục duy trì	Phòng Kế hoạch – Tài chính	Giám đốc Lê Thị Bích Thuận
IV.	CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ ĐỔI MỚI QUẢN TRỊ GIÁO DỤC										
1.	Tỷ lệ trường học có kết nối internet băng thông rộng và thiết bị CNTT phục vụ dạy học	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	Phòng Quản lý chất lượng	Phó Giám đốc Nguyễn Hoàng Nam
2.	Tỷ lệ cơ sở giáo dục được sử dụng học bạ số, văn bằng số và kết nối dữ liệu với Hệ thống CSDL quốc gia	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	Phòng Quản lý chất lượng	Phó Giám đốc Nguyễn Hoàng Nam
3.	Tỷ lệ cán bộ quản lý giáo dục cấp xã được đào tạo.	32,25%	40%	50%	60%	80%	91%	100%	100%	Phòng Tổ chức cán bộ	Giám đốc Lê Thị Bích Thuận

	bồi dưỡng quản lý giáo dục										
V.	GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP, ĐẠI HỌC										
1.	Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông	67%	68%	69%	70%	71%	72%	75%	75%	Phòng Giáo dục Thường xuyên và Giáo dục Nghề nghiệp	Phó Giám đốc Mai Tấn Linh
2.	Tỷ lệ người lao động có trình độ cao đẳng, đại học trở lên	20%	21%	22%	23%	24%	25%	30%	35%	Phòng Giáo dục Thường xuyên và Giáo dục Nghề nghiệp	Phó Giám đốc Mai Tấn Linh
3.	Tỷ lệ người học các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ trong quy mô giáo dục đại học, trong đó:	18%	20%	25%	28%	31%	$\geq 35\%$	$\geq 40\%$	$> 40\%$	Phòng Giáo dục Thường xuyên và Giáo dục Nghề nghiệp	Phó Giám đốc Mai Tấn Linh
-	Nghiên cứu sinh các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ	40	50	60	70	80	100	120	150		
-	Người học các chương trình tài năng	200	250	350	400	450	500	600	700		
4.	Số giảng viên giỏi tuyển dụng từ nước ngoài	70	70	90	120	145	170	210	300	Phòng Giáo dục Thường xuyên và	Phó Giám đốc Mai Tấn Linh

										Giáo dục Nghề nghiệp theo dõi, báo cáo	
5.	Số công bố khoa học quốc tế	6%	6%	7%	8%	10%	12%	14%	15%	Phòng Giáo dục Thường xuyên và Giáo dục Nghề nghiệp theo dõi, báo cáo	Phó Giám đốc Mai Tấn Linh
6.	Số đăng kí sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng bình quân hằng năm trong đội ngũ giảng viên	7%	7%	8%	9%	10%	12%	15%	20%	Phòng Giáo dục Thường xuyên và Giáo dục Nghề nghiệp theo dõi, báo cáo	Phó Giám đốc Mai Tấn Linh
7.	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn quốc gia	28%	30%	35%	40%	60%	80%	90%	100%	Phòng Giáo dục Thường xuyên và Giáo dục Nghề nghiệp	Phó Giám đốc Mai Tấn Linh
8.	Cơ sở giáo dục đại học đạt chuẩn quốc gia	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	Phòng Giáo dục Thường xuyên và Giáo dục Nghề nghiệp	Phó Giám đốc Mai Tấn Linh
9.	Cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp được		5%	5%	10%	15%	20%	30%	50%	Phòng Giáo dục Thường xuyên và Giáo dục	Phó Giám đốc Mai Tấn Linh

	đầu tư hiện đại tương đương các nước phát triển ở châu Á									Nghề nghiệp	
10.	Số cơ sở giáo dục đại học thuộc nhóm 500 đại học hàng đầu thế giới trong một số lĩnh vực theo các bảng xếp hạng quốc tế uy tín	1	1	1	1	1	≥ 1	≥ 2	≥ 2	Phòng Giáo dục Thường xuyên và Giáo dục Nghề nghiệp	Phó Giám đốc Mai Tấn Linh
11.	Cơ sở giáo dục đại học thuộc nhóm 200 đại học hàng đầu châu Á	1	1	1	1	1	≥ 1	≥ 2	≥ 2	Phòng Giáo dục Thường xuyên và Giáo dục Nghề nghiệp	Phó Giám đốc Mai Tấn Linh
12.	Cơ sở giáo dục đại học thuộc nhóm 100 đại học hàng đầu thế giới trong một số lĩnh vực theo các bảng xếp hạng uy tín thế giới	0	0	0	0	0	0	1	≥ 1	Phòng Giáo dục Thường xuyên và Giáo dục Nghề nghiệp	Phó Giám đốc Mai Tấn Linh

Phụ lục II
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CỤ THỂ
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-SGDDĐT ngày tháng năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Mục tiêu	Thực hiện	Phối hợp	Lãnh đạo phụ trách
1.	Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ để đột phá phát triển giáo dục và đào tạo			
	Bảo đảm 100% cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố tổ chức tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết số 71-NQ/TW và các văn bản triển khai đến đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động, học sinh, sinh viên. Tổ chức Hội nghị phổ biến, tuyên truyền; đẩy mạnh tuyên truyền trên website, zalo, facebook... <i>(Nhiệm vụ bổ sung)</i>	Văn phòng Sở; các đơn vị, trường học trực thuộc Sở	Các phòng thuộc Sở	Phó Giám đốc Trần Nguyễn Minh Thành
2.	Đổi mới mạnh mẽ thể chế, tạo cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội cho phát triển giáo dục và đào tạo			
-	Xây dựng chính sách về ưu đãi, thu hút đối với viên chức và người lao động ngành giáo dục và đào tạo, trong đó chú trọng chính sách đãi ngộ, thu hút đối với người tài, chuyên gia, nhà khoa học, giảng viên giỏi tuyển dụng từ nước ngoài, đối với viên chức và người lao động khu vực miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Tổ chức thực hiện theo quy định của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc nghiên cứu, xây dựng chính sách trình HĐND thành phố về chế độ, chính sách đối với người giỏi thuộc các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao, khoa học và công nghệ ngoài lực lượng nhà giáo tham gia giảng dạy, giáo dục tại các cơ sở giáo dục”. <i>(Sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ thứ 2 của gạch đầu dòng thứ 8 mục “2. Đổi mới mạnh mẽ thể chế, tạo cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội cho phát triển giáo dục và đào tạo” tại Kế hoạch 1178/KH-SGDDĐT).</i>	Phòng Tổ chức cán bộ	Các phòng thuộc Sở	Giám đốc Lê Thị Bích Thuận

-	Triển khai các cơ chế, chính sách đủ mạnh, có tính đột phá để tăng cường hiệu quả công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, giảm áp lực tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông, đồng thời hướng tới mục tiêu đến năm 2030 có 85% người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương, đến năm 2035 đạt 100% người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương. <i>(Nhiệm vụ bổ sung)</i>	Phòng Giáo dục Trung học và Học sinh, sinh viên	Các phòng thuộc Sở	Phó Giám đốc Phạm Tấn Ngọc Thụy
3.	“4. Chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo”			
	Triển khai trường học chuyển đổi số bảo đảm hạ tầng số, thiết bị công nghệ, nền tảng số đáp ứng yêu cầu dạy học, quản lý và quản trị nhà trường trong liên thông, tích hợp và chia sẻ dữ liệu. Bảo đảm tính tương thích của các hệ thống phần mềm trong ngành giáo dục với cơ sở dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Triển khai đầu tư hệ thống phòng học STEM theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp điều kiện vùng miền và định hướng phát triển kinh tế - xã hội từng địa phương; đồng bộ giữa đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị quản lý, khai thác, vận hành, sử dụng phòng học STEM. Trong đó, triển khai 09 dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị theo Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 22/5/2026 của UBND thành phố. <i>(Nhiệm vụ bổ sung)</i>	Phòng Quản lý chất lượng; các đơn vị, trường học.	Các phòng thuộc Sở	Phó Giám đốc Nguyễn Hoàng Nam
4.	“5. Tập trung xây dựng đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất trường lớp đạt chuẩn, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông”			
-	Thực hiện các giải pháp nâng cao tỷ lệ giáo viên mầm non, phổ thông đạt chuẩn trình độ theo Luật Giáo dục. <i>(Nhiệm vụ bổ sung)</i>	Phòng Tổ chức cán bộ	Các phòng thuộc Sở	Giám đốc Lê Thị Bích Thuận
-	Bảo đảm tỷ lệ học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi được học trong trường nội trú, bán trú hoặc có hỗ trợ bán trú; tỷ lệ phòng học kiên cố, đạt chuẩn trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông. <i>(Nhiệm vụ bổ sung)</i>	Phòng Kế hoạch – Tài chính	Các phòng thuộc Sở	Giám đốc Lê Thị Bích Thuận

5.	“6. Cải cách, hiện đại hóa giáo dục nghề nghiệp, tạo đột phá phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng nghề cao”			
-	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với công nghệ sản xuất của doanh nghiệp, đảm bảo cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn quốc gia; từng bước đầu tư các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện đại tương đương các nước phát triển ở châu Á; tăng cường gắn kết với doanh nghiệp để khai thác, sử dụng thiết bị đào tạo tại doanh nghiệp. <i>(Sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ cuối cùng của mục “6. Cải cách, hiện đại hóa giáo dục nghề nghiệp, tạo đột phá phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng nghề cao” tại Kế hoạch 1178/KH-SGDDT).</i>	Phòng Giáo dục Thường xuyên và Giáo dục Nghề nghiệp	Các phòng thuộc Sở	Phó Giám đốc Mai Tấn Linh
-	Xây dựng, trình UBND thành phố phê duyệt Đề án phát triển Trường Cao đẳng Đà Nẵng thành trường cao đẳng chất lượng cao, thực hiện chức năng trung tâm vùng về đào tạo và thực hành chất lượng cao giai đoạn 2026-2030. <i>(Nhiệm vụ bổ sung)</i>	Phòng Giáo dục Thường xuyên và Giáo dục Nghề nghiệp phối hợp với Trường Cao đẳng Đà Nẵng	Các phòng thuộc Sở	Phó Giám đốc Mai Tấn Linh
6.	“7. Hiện đại hóa, nâng tầm giáo dục đại học, tạo đột phá phát triển nhân lực trình độ cao và nhân tài, dẫn dắt nghiên cứu, đổi mới sáng tạo”			
	Các cơ sở giáo dục đại học chú trọng công tác xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia; chủ động trong việc đăng ký kiểm định chất lượng với các tổ chức được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép hoạt động; từng bước tăng số cơ sở giáo dục đại học của thành phố thuộc nhóm các cơ sở giáo dục hàng đầu châu Á và thế giới trong một số lĩnh vực theo các bảng xếp hạng uy tín thế giới. <i>(Nhiệm vụ bổ sung)</i>	Phòng Giáo dục Thường xuyên và Giáo dục Nghề nghiệp	Các phòng thuộc Sở	Phó Giám đốc Mai Tấn Linh